

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ - ST

Ngày 17/9/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dư Công Thử;
2. Bà Nguyễn Thị Diễm Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977; địa chỉ: 137 thôn SM, xã KĐ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Đ, sinh năm: 1971; địa chỉ: 218 thôn NH 1, xã KĐ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Đ kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KĐ huyện Đơn Dương ngày 11/10/1993. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông Đ sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà đi buôn bán bên ngoài cũng gặp gỡ, giao lưu với nhiều người nhưng do tính ông Đ ghen tuông vô cớ nên thường xuyên đánh đập bà nên bà không thể chung sống với ông Đ được nữa. Từ tháng 5/2020 cho đến nay bà và ông Đ ít khi chung sống cùng nhau, có lúc bà ngủ ở trên xe tải, có lúc ở nhà bạn và có lúc ở nhà trọ. Mâu

thuần vợ chồng giữa bà và ông Đ gia đình nhà chồng đều biết nhưng tác động không trên tinh thần hàn gắn. Nhiều lần bà nói chuyện với ông Đ giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng không thể hòa hợp được. Mặt khác, bà cũng từng nộp đơn xin ly hôn với ông Đ nhưng nghĩ cũng vì muốn cùng chung lo xây dựng hạnh phúc và lo làm ăn nên bà đã rút đơn về. Sau đó, ông Đ vẫn tiếp tục ghen tuông nên bà không thể chịu đựng được nữa. Cho đến nay, bà không còn tình cảm vợ chồng và không muốn chung sống với ông Đ nữa nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đ đều thừa nhận có 03 con chung là Khúc Kim L, sinh ngày 15/8/2005; Khúc Thừa Duy K, sinh năm 1998; Khúc Thừa Duy M, sinh ngày 04/4/1994; Hiện tại các con chung là Khúc Thừa Duy M và Khúc Thừa Duy K đã thành niên có thể tự lập về kinh tế và lo cho bản thân nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng. Riêng cháu Khúc Kim L trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án có nguyện vọng muốn được ông Đ nuôi dưỡng. Ông Đ cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Loan. Tại phiên tòa hôm nay, bà T thống nhất giao cháu Loan cho ông Đ nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên. Bà không phải dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T và ông Đ thống nhất tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đề cập đến.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Đ trình bày: Ông thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KĐ huyện Đơn Dương ngày 11/10/1993. Ông thừa nhận nguyên nhân, thời điểm vợ chồng mâu thuẫn cũng như có các con chung như bà T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông cho rằng bà T có những mối quan hệ tình cảm với người khác. Mỗi lần ra bên ngoài, bà T chỉ muốn đi một mình mà không muốn ông theo cùng. Trong cách nói chuyện nhảm nhí của bà T với người khác thì lại nói những từ ngữ như “anh yêu, em yêu” nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh bà T ngoại tình. Vì ghen tuông nên cũng có lần ông đánh bà T. Ông muốn vợ chồng về đoàn tụ vì vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà T nên không muốn ly hôn. Ông cho rằng nếu phải ly hôn ông muốn được nuôi dưỡng cháu Khúc Kim L cho đến khi thành niên và sẽ tự giải quyết về tài sản chung và nợ chung với bà T. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc giải quyết ly hôn với ông Đ. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Đ không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị

T được ly hôn với ông Khúc Thừa Đ; về con chung: đề nghị giao con chung chưa thành niên là cháu Khúc Kim L cho ông Khúc Thừa Đ nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung bà T và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của bà T gửi đến Tòa án yêu cầu được giải quyết cho ly hôn với ông Đ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đ. Ông Đ đang cư trú tại xã KĐ, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho ông Đ theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ thống nhất ông bà kết hôn với nhau tự nguyện, đã được UBND xã KĐ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 776/1993, ngày 11/10/1993. Tuy vào thời điểm đăng ký kết hôn, bà T chưa đến tuổi kết hôn vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên ông bà chung sống từ từ năm 1993 đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Trong khoảng thời gian này, bà T và ông Đ vẫn chung sống bình thường, có con chung và tài sản chung. Theo quy định tại Điểm d, Điều 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa bà T và ông Đ theo thủ tục chung là đúng quy định.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng ông Đ đã ghen tuông và thường xuyên đánh đập bà. Ông Đ cũng thừa nhận có đánh đập bà T. Ông Đ cho rằng do bà T có quan hệ tình cảm với người khác, gọi điện nhắn tin bằng những từ ngữ như “anh yêu, em yêu” với người khác nên ông nảy sinh ghen tuông mới đánh bà T. Ông không có chứng cứ gì chứng minh bà T có quan hệ tình cảm hay ngoại tình với người khác. Hiện tại, ông Đ và bà T cũng thừa nhận trong thời gian vừa qua hai vợ chồng cũng không quan tâm gì đến nhau và bà T hay ra bên ngoài sống. Tại phiên Tòa hôm nay, bà T cho biết bà đã ra thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng không còn chung sống và quan tâm đến nhau nữa. Ông Đ cho rằng ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà T nhưng ông không có phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Bà T khẳng định không còn tình cảm vợ ông Đ nữa và vẫn cương quyết muốn được ly hôn với ông Đ. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà T đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà T và ông Đ đều thừa nhận có 03 con chung là Khúc Kim L, sinh ngày 15/8/2005; Khúc Thừa Duy K, sinh năm 1998; Khúc Thừa Duy M, sinh ngày 04/4/1994. Hiện tại các con chung là Khúc Thừa Duy K, Khúc Thừa Duy M đã thành niên nên không xem xét vấn đề cấp dưỡng. Đối với cháu Khúc Kim L chưa thành niên đang do ông Đ nuôi dưỡng. Cháu Loan cũng muốn được ở với ông Đ. Ông Đ cũng muốn được nuôi dưỡng cháu Loan và không cần bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T cũng tôn trọng sự lựa chọn của cháu Loan và đồng ý để cháu Loan cho ông Đ nuôi dưỡng. Do vậy cần giao cháu Loan cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 220, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Đ. Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đ.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 776/1993 ngày 11 tháng 10 năm 1993 của Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Khúc Kim L cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002562 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã KĐ, huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ